

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH KHÊ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2019/KDTM-ST**

Ngày: 21- 5 - 2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Phi

Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-KDTM ngày 08/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-KDTM ngày 02/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-KDTM ngày 25/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T. Địa chỉ: Số X đường Y, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình D - chức vụ: Tổng Giám đốc. *Có mặt*

- Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng V; Địa chỉ: Số F đường G, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Phú C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: bà Trương Thị L - Chức vụ: Giám đốc. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/3/2018, Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty cổ phần xây dựng V (gọi tắt là Công ty V) ký Hợp đồng

nguyên tắc "Về việc mua bán sắt thép các loại" số 02/2018/HĐNT/HTV-TK thỏa thuận Công ty T sẽ cung cấp các vật liệu sắt thép các loại theo đơn hàng của Công ty V và Công ty V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền hàng trong vòng 30 ngày tính từ ngày nhận hàng. Ngày 16/5/2018, Công ty T có gửi cho Công ty V bảng báo giá thép với tổng khối lượng là 97.515,52kg và tổng giá trị đơn hàng bao gồm 10% thuế VAT là 1.484.593.868đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng). Công ty V đã ký xác nhận đặt hàng. Cùng ngày, Công ty V gửi Đơn đặt hàng số 52/CV-CT cho Công ty T với khối lượng theo đúng báo giá của Công ty T. Đến ngày 19/5/2018, Công ty T và Công ty V đã tiến hành giao nhận đầy đủ số lượng thép theo đơn đặt hàng, lập hai biên bản giao nhận hàng có chữ ký của các bên, lập hai biên bản xác nhận khối lượng cung ứng vật tư và xác nhận giá trị cung ứng vật tư. Đồng thời, Công ty T đã xuất hóa đơn GTGT số 0002056-TK/14P theo đơn đặt hàng giữa các bên với tổng giá trị thanh toán là 1.484.593.868đ. Theo thỏa thuận đã ký kết, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty T và Công ty V tiến hành giao nhận hàng, Công ty V phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty T. Tuy nhiên Công ty V mới chỉ thanh toán cho Công ty T số tiền 1.334.000.000đ. Mặc dù Công ty T đã nhiều lần gửi các văn bản nhắc nợ, cử nhân viên đến Công ty V để nhắc nhở nhưng Công ty V vẫn không thanh toán hết tiền nợ mua hàng.

Do vậy Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần xây dựng V phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T tổng số tiền 361.856.095đ, trong đó tiền nợ mua hàng là 300.593.869đ, tiền lãi là 61.262.226đ

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cho rằng sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn tiếp tục thanh toán thêm cho nguyên đơn một phần tiền nợ nên đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 167.520.357đ, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 194.335.738đ trong đó gồm các khoản: tiền nợ mua hàng 150.593.869đ; tiền lãi 43.741.869đ.

*Bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật

tổ tụng dân sự. Bị đơn không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 24, 50 và Điều 306 Luật thương mại để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng V có trụ sở tại Số F đường G, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 167.520.357đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 243, 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận và xem xét đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

[2] Đối với Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán sắt thép các loại số 02/2018/HĐNT/HTV-TK ngày 22/3/2018 giữa Công ty T và Công ty V: hợp đồng được ký kết đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong các giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

[3] Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ mua hàng của nguyên đơn, thấy rằng:

Theo Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán sắt thép các loại số 02/2018/HĐNT/HTV-TK ngày 22/3/2018, Bảng báo giá thép ngày 16/5/2018, Đơn đặt hàng ngày 16/5/2018, hai Biên bản giao nhận hàng ngày 19/5/2018, Biên bản xác nhận khối lượng cung ứng vật tư ngày 19/5/2018, Biên bản xác nhận giá trị cung ứng vật tư ngày 19/5/2018 và Hóa đơn GTGT số 0002056-TK/14P ngày 19/5/2018, Công ty T đã cung ứng đầy đủ khối lượng thép đã thỏa thuận cho Công

ty V và thỏa thuận trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hàng, Công ty V có trách nhiệm thanh toán 100% tiền hàng cho Công ty T. Tuy nhiên, từ khi nhận đủ số lượng hàng hóa cho đến nay dù quá thời hạn thanh toán và Công ty T đã nhiều lần nhắc nợ nhưng Công ty V chỉ thanh toán được một phần, còn lại số tiền 150.593.869 đồng Công ty V vẫn chưa thanh toán. Xét thấy việc không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng mà không có lý do của bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận ký kết do vậy yêu cầu buộc Công ty V phải trả số tiền nợ mua hàng của Công ty T hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy:

Công ty T đã xác định mức lãi suất áp dụng và số tiền lãi cụ thể yêu cầu bị đơn thanh toán như sau:

- Từ ngày 18/6/2018 đến ngày 09/8/2018 áp dụng mức lãi suất 9,9%/năm, tương đương 0,825%/tháng, số tiền lãi cụ thể yêu cầu: $1.484.593.869đ \times 0,825\%/tháng \times 52 \text{ ngày} = 21.229.692$

- Từ ngày 10/8/2018 đến ngày 11/9/2018 áp dụng mức lãi suất 9,9%/năm, tương đương 0,825%/tháng, số tiền lãi cụ thể yêu cầu: $1.000.593.869đ \times 0,825\%/tháng \times 32 \text{ ngày} = 8.805.226đ$

- Từ ngày 12/9/2018 đến ngày 30/9/2018 áp dụng mức lãi suất 9,9%/năm, tương đương 0,825%/tháng, số tiền lãi cụ thể yêu cầu: $300.593.869đ \times 0,825\%/tháng \times 18 \text{ ngày} = 1.487.940đ$

- Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 25/10/2018 áp dụng mức lãi suất 10,2%/năm, tương đương 0,85%/tháng, số tiền lãi cụ thể yêu cầu: $300.593.869đ \times 0,85\%/tháng \times 24 \text{ ngày} = 2.044.038đ$

- Từ ngày 26/10/2018 đến ngày 23/01/2019 áp dụng mức lãi suất 10,2%/năm, tương đương 0,85%/tháng, số tiền lãi cụ thể yêu cầu: $250.593.869đ \times 0,85\%/tháng \times 89 \text{ ngày} = 6.319.142đ$

- Từ ngày 24/01/2019 đến ngày 04/3/2019 áp dụng mức lãi suất 10,2%/năm, tương đương 0,85%/tháng, số tiền lãi cụ thể yêu cầu: $150.593.869đ \times 0,85\%/tháng \times 39 \text{ ngày} = 1.664.062đ$

- Từ ngày 05/3/2019 đến ngày 31/3/2019 áp dụng mức lãi suất 10,2%/năm, tương đương 0,85%/tháng, số tiền lãi cụ thể yêu cầu: $150.593.869đ \times 0,85\%/tháng \times 26 \text{ ngày} = 1.109.375đ$

- Từ ngày 01/4/2019 đến ngày 24/4/2019 áp dụng mức lãi suất 11,25%/năm, tương đương 0,938%/tháng, số tiền lãi cụ thể yêu cầu: $150.593.869đ \times 0,938\%/tháng \times 23 \text{ ngày} = 1.082.393đ$

- Từ ngày 25/4/2019 đến ngày 21/5/2019 áp dụng mức lãi suất 11,25%/năm, tương đương 0,938%/tháng, số tiền lãi cụ thể yêu cầu: $150.593.869đ \times 0,938\%/tháng \times 26 \text{ ngày} = 1.223.575đ$

Tổng số tiền lãi Công ty T yêu cầu Công ty V thanh toán là 44.965.444đ.

Xét thấy Công ty V đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán, do đó Công ty T yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán trên số tiền chậm trả là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Qua xác minh thực tế lãi suất và lãi suất quá hạn tại các Ngân hàng, xác định mức lãi suất Công ty T yêu cầu tính đối với số tiền nợ mua hàng là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê về nội dung giải quyết vụ án và điều luật áp dụng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc Công ty cổ phần xây dựng V phải trả cho Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T số tiền 194.335.738đ, trong đó: tiền nợ mua hàng 150.593.869đ; tiền lãi 44.965.444đ.

Kể từ ngày Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty cổ phần xây dựng V còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[6] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Mức án phí cụ thể mà Công ty cổ phần xây dựng V phải chịu: $194.335.738đ \times 5\% = 9.716.786đ$.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T số tiền nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 243, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, 50, 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về số tiền 167.520.357đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi ngàn ba trăm năm mươi bảy đồng) của Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần xây dựng V phải trả cho Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T số tiền 194.335.738đ (Một trăm chín mươi bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty cổ phần xây dựng V còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Buộc Công ty cổ phần xây dựng V phải chịu 9.716.786đ (Chín triệu bảy trăm mười sáu ngàn bảy trăm tám mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần xây lắp và thương mại dịch vụ T số tiền tạm ứng án phí 9.046.402đ đã nộp theo biên lai thu số 0004457 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

DƯƠNG THỊ THÁI